

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-ST
Ngày: 21-02-2025
“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NAM
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Sự

Bà Nguyễn Thị Đào

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án Nhân dân Huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ trụ sở: số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường V, Quận B, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S- Giám đốc Chi nhánh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Huỳnh Viết T- Phó giám đốc chi nhánh Quảng Nam ký văn bản tố tụng; ông Phạm Ngọc Tr- Chuyên viên quản lý nợ-Chi nhánh Quảng Nam tham gia tố tụng; địa chỉ: Lô 08, Khu Trung tâm thương mại, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Ông T vắng mặt, ông Tr có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H, xã T, Huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T trình bày:

Ông Nguyễn Xuân T có ký với Ngân hàng T – Chi nhánh Quảng Nam hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 356480-1880 với hạn mức 30.000.000 đồng ngày 27/06/2019, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Nguyễn Xuân T đã không hợp tác thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Tính đến ngày 09/9/2024, ông Nguyễn Xuân T còn nợ các khoản sau: Nợ gốc 30.000.000 đồng, lãi trong hạn và phí là 3.072.752 đồng, lãi quá hạn 3.613.460 đồng. Tổng cộng 36.686.212 (*Ba mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm mười hai*) đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông T vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Do Ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đến ngày 22/6/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ tiền vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 20-02-2025 Ông T còn nợ gốc 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng, nợ lãi trong hạn và phí 3.072.752 (*Ba triệu không trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi hai*) đồng, nợ lãi quá hạn 10.096.650 (*Mười triệu không trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi*) đồng; tổng cộng Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông T phải trả 43.169.402 (*Bốn mươi ba triệu một trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm lẻ hai*) đồng. Do đó, Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông T phải thanh toán hết số nợ nêu trên cho Ngân hàng và thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Tuy nhiên, Ông T không đến Tòa án làm việc, cố tình trốn tránh nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đầy đủ theo trình tự thủ tục các bước tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Đề nghị áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T – Chi nhánh Quảng Nam; Buộc ông Nguyễn Xuân T phải trả cho

Ngân hàng T – Chi nhánh Quảng Nam tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng T – Chi nhánh Quảng Nam khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Xuân T trả tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Xuân T có nơi cư trú tại xã T, Huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện P, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 27/06/2019 đã ký kết giữa Ngân hàng T với ông Nguyễn Xuân T, thể hiện Ông T sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, đảm bảo về hình thức, nội dung, điều kiện có hiệu lực được quy định tại các Điều 398, 401, 402, 405, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 quy định “... Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Tại khoản 2 điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định “Trong trường hợp khách hàng không trả nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng” và tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả tiền và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 22/3/2024 tổng cộng là 79.802.000 đồng gồm tiền gốc và lãi, là không thanh toán đầy đủ theo hợp đồng cho ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng Ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Xuân T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 22/4/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Theo tóm tắt sao kê của Ngân hàng thể hiện,

số tiền lãi và phí phát sinh tính đến ngày 20/02/2025 là 13.169.402 (*Mười ba triệu một trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm lẻ hai*) đồng; trong đó: nợ lãi trong hạn và phí là 3.072.752 (*Ba triệu không trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi hai*) đồng, nợ lãi quá hạn 10.096.650 (*Mười triệu không trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi*) đồng và nợ gốc 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng Ông T chưa thanh toán.

Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đối chiếu khoản nợ nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ vay nêu trên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, nguyên đơn Ngân hàng T yêu cầu Ông T trả nợ vay tính đến ngày 20/02/2025 là 43.169.402 (*Bốn mươi ba triệu một trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm lẻ hai*) đồng; trong đó: nợ gốc là 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng, nợ lãi trong hạn và phí 3.072.752 (*Ba triệu không trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi hai*) đồng, nợ lãi quá hạn 10.096.650 (*Mười triệu không trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi*) đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông Nguyễn Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.158.470 (*Hai triệu một trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi*) đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 280, 398, 401, 402, 405, 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T:

- Buộc ông Nguyễn Xuân T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T – Chi nhánh Quảng Nam số tiền 43.169.402 (*Bốn mươi ba triệu một trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm lẻ hai*) đồng; trong đó: nợ gốc là 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng, nợ lãi trong hạn và phí là 3.072.752 (*Ba triệu không trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi hai*) đồng, nợ lãi quá hạn 10.096.650 (*Mười triệu không trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi*) đồng.

Kể từ ngày 21 tháng 02 năm 2025, ông Nguyễn Xuân T còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 356480-1880 ngày 27/06/2019 đã ký kết giữa Ngân hàng T – Chi nhánh Quảng Nam và ông Nguyễn Xuân T cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp trong hợp đồng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Xuân T phải chịu 2.158.470 (*Hai triệu một trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi*) đồng.

Ngân hàng T – Chi nhánh Quảng Nam được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 917.000 (*chín trăm mười bảy nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017994 ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND Huyện P;
- Chi cục THADS Huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Văn Long

